

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2021

V/v Ly hôn giữa bà Lo và
ông Li.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Phúc

Bà Trần Thị Quế Minh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Sơn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N T K Lo, sinh ngày 09-11-1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 05-5-2021)

ĐKKHKT: Ấp Đ B N, xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Số 4-5, Lô N, đường Số 2, khu dân cư T T, Ấp 2, xã T K, huyện B C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông D P H Li, sinh ngày 29-3-1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ B N, xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện xin ly hôn, Tờ tự khai ngày 15-3-2021, Đơn xin vắng mặt phiên họp công khai chứng cứ, không tham gia hòa giải và xin vắng mặt các phiên tòa xét xử vụ án ngày 05-5-2021, nguyên đơn bà N T K Lo trình bày:

+Về hôn nhân: Bà và ông D P H Li kết hôn năm 2006, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang số 110 Quyển số I ngày 26-8-2013. Sau khi cưới vợ chồng bên chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, ông Li ngoại tình, bà nhiều lần bắt gặp dẫn đến vợ chồng hay gây gổ. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông Li, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xin ly hôn với ông D P H Li.

+Về con chung: Có 03 con chung tên D B T, sinh ngày 31-5-2006; D T B N, sinh ngày 22-8-2009 và D N M Th, sinh ngày 07-11-2018. Hiện bà đang nuôi con. Nếu ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

+Về cấp dưỡng nuôi con: Bà không yêu cầu ông Li cấp dưỡng nuôi con.

+Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và 2 lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông D P H Li, nhưng ông Li vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 26-5-2021 và ngày 03-6-2021, Tòa án đến nhà ông Li để ghi lời khai, nhưng ông Li vắng mặt tại nhà. Do đó, Tòa án không nhận được ý kiến của ông Li.

Tại Tờ tự khai ngày 05-5-2021, cháu D B T trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu được đi học, cháu đang học lớp 9 trường Trung học Cơ sở thị trấn P H, huyện T S, tỉnh An Giang. Cha mẹ cháu ly hôn cháu có biết. Cha mẹ cháu sống ly thân cách nay đã 2 năm, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại Tờ tự khai ngày 05-5-2021, cháu D T B N trình bày: Cháu đang sống với mẹ, cháu được đi học, cháu đang học lớp 6 trường Trung học Cơ sở thị trấn P H, huyện T S, tỉnh An Giang. Cha mẹ cháu ly hôn cháu có biết. Cha mẹ cháu sống ly thân cách nay đã 2 năm, cha không về thăm cháu. Nếu cha mẹ cháu Ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03-6-2021, ông D V E trình bày: Ông là cha của D P H Li. Li đang làm công nhân ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 1 năm nay Li không về nhà. Ông không biết là Li có biết việc Lo xin ly hôn không. Ông cũng không biết rõ mâu thuẫn giữa Lo – Li như thế nào. Việc Lo – Li có đoàn tụ được hay không là do 2 đứa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

1/Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

2/Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung tiếp tục ổn định cho bà Lo nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đối với nguyên đơn bà N T K Lo, bị đơn ông D P H Li, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; nguyên đơn bà Lo có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Li vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với nguyên đơn bà Lo và bị đơn ông Li.

[2] *Về hôn nhân:* Bà N T K Lo và ông D P H Li kết hôn năm 2006, hôn nhân do quen biết, có tổ chức đám cưới. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang số 110 Quyển số I ngày 26-8-2013 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên hôn nhân này là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà Lo có yêu cầu ly hôn. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn lại tình cảm giữa bà Lo và ông Li, nhưng ông Li nhiều lần vắng mặt nên không hòa giải được.

Xét thấy: Từ năm 2019, giữa bà Lo và ông Li phát sinh nhiều mâu thuẫn, do ông Li ngoại tình, dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2019 cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay cả bà Lo và ông Li đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa bà Lo và ông Li là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lo được ly hôn với ông Li là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] *Về con chung:* Bà N T K Lo và ông D P H Li có 03 con chung, hiện bà Lo đang nuôi con. Khi ly hôn bà Lo có yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Ông Li không có ý kiến.

Xét thấy: Cháu T đã trên 15 tuổi và cháu N đã 12 tuổi, hiện đang sống với bà Lo, bà Lo nuôi 2 cháu chu đáo, 2 cháu được đi học, cả 2 cháu đều có nguyện vọng sống với bà Lo. Đối với cháu Th chưa đủ 3 tuổi. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống cũng như sự phát triển tâm sinh lý của các cháu; Hội đồng xét xử xét thấy nên để cho bà Lo được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà N T K L không yêu cầu ông D P H Li cấp dưỡng nuôi con. Ông Li không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N T K Lo trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông D P H Li không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà N T K Lo phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007259 ngày 31-3-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đối chiếu với quy định của pháp luật tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn bà N T K Lo, bị đơn ông D P H Li vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] *Về hôn nhân*: Bà N T K Lo được ly hôn với ông D P H Li.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110 Quyền số I ngày 26-8-2013 của UBND xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[2] *Về con chung*: Bà N T K Lo được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên D B T, sinh ngày 31-5-2006; D T B N, sinh ngày 22-8-2009 và D N M Th, sinh ngày 07-11-2018.

Bà N T K Lo và các thành viên trong gia đình bà Lo không được cản trở ông D P H Li trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại khoản 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông D P H Li lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lo có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Li theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về án phí*: Nguyên đơn bà N T K Lo phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007259 ngày 31-3-2021 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn bà N T K Lo, bị đơn ông D P H Li vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành;
- Phòng Kiểm tra Nghiệp vụ - Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (UBND xã V T, huyện C T, tỉnh An Giang);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà